|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: /2018/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP**

**ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;*

*Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ như sau:*

**Điều** **1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ:**

1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 6. Hoàn thuế**

Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

1. Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

a) Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất ra nước ngoài;

b) Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt để giao, bán hàng cho nước ngoài thông qua các đại lý tại Việt Nam; hàng hóa nhập khẩu để bán cho các phương tiện của các hãng nước ngoài trên các tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc các phương tiện của Việt Nam trên các tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật;

c) Hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập, tái xuất khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số hàng thực tế tái xuất khẩu;

d) Hàng nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng tái xuất khẩu ra nước ngoài được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với số hàng xuất trả lại nước ngoài;

đ) Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc để phục vụ công việc khác trong thời hạn nhất định theo quy định của pháp luật và đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, khi tái xuất khẩu được hoàn thuế.

Trường hợp hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu, nếu đã thực tái xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tế đã tái xuất.

***Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu quy định tại khoản này*** ***như sau:***

***- Công văn yêu cầu hoàn thuế theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;***

***- Chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu;***

***- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ sở sản xuất kinh doanh;***

***- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ sở sản xuất kinh doanh;***

***- Thủ tục nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;***

***- Cơ quan hải quan nơi phát sinh khoản tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn chịu trách nhiệm hoàn thuế cho người nộp thuế theo quy định.***

2. Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa thực tế xuất khẩu.

***Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu quy định tại khoản này*** ***như sau:***

***- Công văn yêu cầu hoàn thuế theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;***

***- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ sở sản xuất kinh doanh;***

***- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác: 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ sở sản xuất kinh doanh;***

***- Số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu, vật tư, linh kiện được hoàn thuế phải tương ứng với sản phẩm thực tế đã xuất khẩu;***

***- Hợp đồng gia công ký với khách hàng nước ngoài (đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng gia công với nước ngoài): Nộp 01 bản chụp có đóng dấu sao y bản chính của cơ sở sản xuất kinh doanh;***

***- Thủ tục nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;***

***- Cơ quan hải quan nơi phát sinh khoản tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn chịu trách nhiệm hoàn thuế cho người nộp thuế theo quy định.***

~~3. Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu của các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định như đối với việc giải quyết hoàn thuế nhập khẩu của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.~~

3~~4~~. Cơ sở sản xuất, kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước có số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa.

4~~5~~. Việc hoàn thuế quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

a) Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Hoàn thuế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Hoàn thuế trong trường hợp số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp lớn hơn số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo quy định của pháp luật;

***d) Trường hợp số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học sau khi bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác hoặc bù trừ giữa các loại thuế với nhau nếu đạt từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo tháng.***

***Thủ tục, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định về hoàn thuế đối với trường hợp nộp thừa của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.***

***Cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế theo quy định.***

***Kinh phí hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học từ nguồn ngân sách trung ương”.***

2. Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

***“Điều 7. Khấu trừ thuế***

*1. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu* ***bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan*** *hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.*

*2. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu* ***bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan*** *khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra trong nước, số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra. Đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt không được khấu trừ thuế, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.”.*

**Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành:**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách Xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư,…. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |